

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 352/2022/DSST  
Ngày: 26/9/2022  
V/v tranh chấp Hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Nhung

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Võ Thành Viên

2. Bà Lê Thị Hoa

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Phương là Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hải Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2022 tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 82/2022/TLST-DS ngày 31 tháng 3 năm 2022 về tranh chấp Hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 384/2022/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 335/2022/QĐST-DS ngày 08 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Ngân hàng X, địa chỉ trụ sở chính: Số X, đường Y, Phường M, Quận Z, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần Đức T, sinh năm X (Theo Giấy ủy quyền số 893/2020/UQ-TTT ngày 05/10/2020).

**2. Bị đơn:** Bà Trần Thị Tuyết P, sinh năm Y; địa chỉ: Số X đường T, Phường L, quận G, Thành phố H.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện ngày 05/10/2020 và bản tự khai, đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngày 08/5/2008, bà Trần Thị Tuyết P có ký với Ngân hàng X (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng; Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – gọi chung là hợp đồng), hạn mức tín dụng là 10.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà P đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 9.500.000 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà Trần Thị Tuyết P không thanh toán cho Ngân hàng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng Bà Trần Thị Tuyết P vẫn không có thiện chí trả nợ. Do Bà Trần Thị Tuyết P vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 01/04/2010 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Tính đến ngày 26/09/2022, bà P còn nợ tổng cộng là 167.369.301 đồng, trong đó nợ gốc là 33.529.345 đồng và lãi quá hạn là 133.839.956 đồng.

Do bà P vi phạm nghĩa vụ nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà P phải thanh toán toàn bộ nợ gốc, nợ lãi làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra yêu cầu bà P phải trả lãi suất phát sinh theo quy định tại hợp đồng đã ký kể từ ngày 27/09/2022 cho đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản nợ.

Bị đơn là bà Trần Thị Tuyết P mặc dù đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập đến tòa lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà P không đến nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bà P về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên Tòa hôm nay nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử:

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về phiên tòa sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

- Về quan hệ pháp luật: Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà P thanh toán tiền nợ gốc và nợ lãi theo Hợp đồng cấp thẻ tín dụng, đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tại thời điểm ký Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng bà P khai địa chỉ thường trú của bà P là số X đường T, Phường L, quận G; địa chỉ tạm trú là số M, đường N, Phường K, quận G.

Theo kết quả xác minh của Công an Phường L, quận G, bà P không có đăng ký thường trú, tạm trú hay thực tế cư trú tại địa chỉ số M, đường N, Phường K, quận G.

Căn cứ sổ đăng ký tạm trú có thời hạn của Công an Phường L, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 02/11/2005 bà P có đăng ký tạm trú tại số X đường T, Phường L, quận G.

Như vậy, tại thời điểm giao kết hợp đồng bị đơn có tạm trú tại số X đường T, Phường L, quận G. Mặc dù hiện nay bị đơn không còn cư trú tại địa chỉ trên nhưng nguyên đơn không biết địa chỉ nào khác của bị đơn, nên căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 5 và khoản 1 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, có cơ sở xác định đơn khởi kiện của nguyên đơn đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú cuối cùng của bị đơn mà người khởi kiện biết được gần nhất, tính đến thời điểm khởi kiện và được cơ quan có thẩm quyền cấp, xác nhận.

Căn cứ điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì việc bà P thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng tín dụng với Ngân hàng mà không thông báo cho Ngân hàng biết về nơi cư trú mới được coi là cố tình giấu địa chỉ, nên xác định bị đơn có nơi cư trú cuối cùng tại địa chỉ số X đường T, Phường L, quận G. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Về sự vắng mặt của các đương sự: Đại diện nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bà P đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về thời hiệu khởi kiện: Do một bên hay các bên đương sự không yêu cầu xem xét về thời hiệu khởi kiện do đó Hội đồng xét xử không áp dụng quy định về thời hiệu theo quy định tại Điều 149 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] *Về nội dung:*

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm và tại phiên tòa, bà P đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không có lời khai và các tài liệu, chứng cứ giao nộp cho Tòa án để thể hiện sự phản đối yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy, bà P đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình nên phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử căn cứ các chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp để xem xét giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 08/05/2008; Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng X; Thông báo ngày 05/8/2009 và 05/9/2009 có cơ sở để xác định giữa bà P và Ngân hàng có xác lập giao dịch tín dụng, theo đó Ngân hàng đồng ý cho bà P vay số tiền 10.000.000 đồng, mục đích vay là để tiêu dùng cá nhân, lãi suất và phí theo Biểu phí áp dụng chung cho các sản phẩm dịch vụ thẻ cho khách hàng cá nhân của Ngân hàng X.

Việc xác lập giao dịch tín dụng giữa Ngân hàng và bà P là phù hợp theo quy định tại Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Theo thỏa thuận tại Điều 19 Điều kiện và Điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng X có hiệu lực từ ngày 20/10/2007, bà P phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền đến hạn hoặc số tiền tối thiểu vào trước ngày đến hạn được ghi trong Thông báo giao dịch. Nhưng từ khi kích hoạt thẻ đến nay, bà P đã không thanh toán cho Ngân hàng. Như vậy bà P đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận.

Do đó Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà P thanh toán số tiền nợ tính đến ngày 26/9/2022 là 167.369.301 đồng, trong đó nợ gốc là 33.529.345 đồng, nợ lãi quá hạn là 133.839.956 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại khoản 1 điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005.

Về thời hạn thanh toán: Do bà P vi phạm nghĩa vụ thanh toán làm thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử nghĩ cần buộc bà P phải trả số tiền trên cho nguyên đơn làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 27/9/2022 bà P còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi suất quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bà P phải tiếp tục phải thanh toán cho Ngân hàng

cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

[3] Về án phí:

Căn cứ quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bà P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 8.368.465 đồng.

Hoàn tiền tạm nộp án phí cho Ngân hàng X là 3.562.267 đồng theo biên lai thu số AA/2019/0027321 ngày 09/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

[4] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được thông báo chấp hành bản án.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp về việc giải quyết vụ án là có cơ sở và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40, khoản 2 và khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 147, điểm e khoản 1 Điều 192, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 149, điểm d khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 3 Điều 5, khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Trần Thị Tuyết P phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng X số tiền tính đến ngày 26/9/2022 là 167.369.301 đồng, trong đó nợ gốc là 33.529.345 đồng, nợ lãi là 133.839.956 đồng. Trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 27/9/2022 bà Trần Thị Tuyết P còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi suất quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo

từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bà Trần Thị Tuyết P phải tiếp tục phải thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 8.368.465 đồng (Tám triệu ba trăm sáu mươi tám nghìn bốn trăm sáu mươi lăm đồng) bà Trần Thị Tuyết P phải chịu.

Hoàn tiền tạm nộp án phí cho Ngân hàng X là 3.562.267 đồng (Ba triệu năm trăm sáu mươi hai nghìn hai trăm sáu mươi bảy đồng) theo biên lai thu số AA/2019/0027321 ngày 09/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo các quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Thị Nhung**